

Bản án số: 01/2025/ KDTM - ST
Ngày: 21-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Vui.
- Ông Vũ Mạnh Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2025/TLST - KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST - KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần B; địa chỉ: Số H phố H, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Nay là phường K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đoàn T - Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đoàn T: Ông Nguyễn Văn T1 - Trưởng ban KT-KD, Trung tâm R&D CS;

2. **Bị đơn:** Công ty cổ phần T2; địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã H, tỉnh Ninh Bình.

Nay đổi thành Công ty Cổ phần T3; địa chỉ: Xóm M, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Nay là xã H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V - Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Đoàn Ái H, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt ông T1, ông V và ông H (đều có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của công ty cổ phần B trình bày:

Ngày 30/11/2017, Công ty cổ phần T2 ký hợp đồng mua đèn LED đánh cá 200W của Công ty cổ phần B với số lượng là 400 cái, tổng giá trị hợp đồng là: 948.420.000 đồng - Hợp đồng thương mại số 390b/HĐ-TT R&D ngày 30/11/2017.

Theo điều khoản thanh toán (Điều 4), mục 4.2 của hợp đồng: Công ty cổ phần T2 thanh toán cho Công ty cổ phần B 50% giá trị hợp đồng, số tiền tương ứng là 474.210.000 đồng.

Số tiền còn lại 474.210.000 đồng Công ty cổ phần T2 sẽ thanh toán dần cho Công ty cổ phần B trong 12 tháng bắt đầu từ tháng 01/2018 chia thành 4 đợt: Đợt 1 ngày 30/3/2018, đợt 2 ngày 30/6/2018, Đợt 3 ngày 30/9/2018, đợt 4 ngày 31/12/2018. Số tiền thanh toán mỗi đợt là 118.552.500 đồng.

Nếu quá thời hạn thanh toán đã thống nhất mà Công ty cổ phần T2 không thanh toán tiền cho Công ty cổ phần B thì Công ty cổ phần T2 chịu phạt lãi suất quá hạn là 0.09%/01 ngày chậm thanh toán x Tổng số ngày quá hạn x Tổng giá trị còn nợ tại thời điểm quá hạn của hợp đồng.

Thực tế, tính đến ngày 31/12/2024, Công ty cổ phần T2 đã thanh toán cho Công ty cổ phần B số tiền là 494.210.000 đồng, số tiền chưa thanh toán là 454.210.000 đồng, đã quá hạn thanh toán 6 năm và 6 tháng.

Trong quá trình đàm phán công nợ giữa 2 bên, Công ty cổ phần B luôn có thiện chí giải quyết công nợ, thậm chí nguyên đơn đã đồng ý với đề nghị giảm nợ 50% số tiền còn nợ là 237.105.000 đồng (văn bản đề nghị Công ty CP B giảm nợ ngày 26/2/2019), Công ty cổ phần B đã nhiều lần trao đổi, thuyết phục, xác nhận công nợ 07 lần tới ông Đoàn Ái H là Giám Đốc Công ty cổ phần T2. Tuy nhiên Công ty cổ phần T2 vẫn không thanh toán cho Công ty cổ phần B. Sau khi làm đơn khởi kiện và nhận được phúc đáp của ông Đoàn Ái H nên Công ty CP B đã giảm cho Công ty cổ phần T2 số tiền nợ gốc là 54.210.000 đồng. Và yêu cầu Công ty cổ phần T2 phải thanh toán cho Công ty cổ phần B số tiền là: 400.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ngày 17/8/2021 Công ty cổ phần T2 đã đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần T3; địa chỉ: Xóm M, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn V - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Vì vậy, Công ty cổ phần B yêu cầu Công ty cổ phần T3 phải thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Công ty cổ phần B số tiền là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu phải trả ngay số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại trả cho Công ty cổ phần B phích nước Rạng Đông trong bốn quý bắt đầu từ ngày 01/5/2025 mỗi quý 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

2. Bị đơn trình bày: Ông Nguyễn Văn V đồng ý với nội dung đơn khởi kiện. Tuy nhiên Công ty cổ phần T2 - mã số doanh nghiệp F - Đăng ký lần đầu 13/4/2015. Người đại diện theo pháp luật là ông Đoàn Ái H - Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc, nay đổi tên là Công ty cổ phần T3 - Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn V - Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc. Như vậy, Công ty cổ

phần T2 nay đã đổi thành Công ty cổ phần T3 do ông V là người đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên đối với khoản nợ này ông V đề nghị ông Đoàn Ái H phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty cổ phần B phích nước Rạng Đông toàn bộ số nợ trên.

3. Ông Đoàn Ái H trình bày: Công ty cổ phần B đề nghị Toà án buộc ông phải trả tổng số tiền 400.000.000 đồng thì ông H nhất trí. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố đã mất, mẹ già, vợ không có công ăn việc làm và đang nuôi con nhỏ, bản thân ông H là lao động duy nhất trong gia đình, lương thấp khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Ông H có đề nghị với Công ty cổ phần B xem xét tạo điều kiện giúp đỡ để giảm bớt khoản nợ cho ông H xuống còn 200.000.000 đồng và ông sẽ trả ngay 50.000.000 đồng và xin trả dần số tiền còn lại 150.000.000 đồng mỗi tháng sẽ trả 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt, vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 433, 434, 440 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B phích nước R: Buộc Công ty CP T4 đóng tàu Hữu Hoàn nay là CTCP thủy sản T3 trả cho Công ty cổ phần B số tiền 400.000.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn được trả lại số tiền 11.000.000 đồng tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Khi tiếp nhận đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, xác định bị đơn là Công ty cổ phần T2 có địa chỉ tại xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nên Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, xác định Công ty cổ phần T2 nay đổi thành Công ty cổ phần T3 có địa chỉ tại xóm M, xã H,

huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình). Nên Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình giải quyết là đúng quy định.

Về quan hệ tranh chấp: Do hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận, nay phát sinh tranh chấp về hợp đồng nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nội dung hợp đồng:

Theo Hợp đồng thương mại số 390b/HĐ-TT R&D ngày 30/11/2017 được ký kết giữa bên bán là Công ty cổ phần B phích nước R và bên mua là Công ty cổ phần T2 hai bên đã thống nhất Công ty cổ phần T2 mua đèn LED đánh cá 200W của Công ty cổ phần B với số lượng là 400 cái, tổng giá trị hợp đồng là: 948,420,000 đồng. Hợp đồng được hai bên tự nguyện ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực trách nhiệm như quy định của Điều 24 Luật Thương mại. Vì vậy, xác định Hợp đồng trên là có giá trị và các bên cùng có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2] Về việc thực hiện hợp đồng:

Theo điều khoản thanh toán Công ty cổ phần T2 thanh toán cho Công ty cổ phần B 50% giá trị hợp đồng, số tiền tương ứng là 474,210,000 đồng. Số tiền còn lại 474,210,000 đồng Công ty cổ phần T2 sẽ thanh toán dần trong 4 đợt cho Công ty cổ phần B bắt đầu từ tháng 01/2018, đợt cuối là ngày 31/12/2018, số tiền thanh toán mỗi đợt là 118,552,500 đồng. Thực tế, tính đến ngày 31/12/2024, Công ty cổ phần T2 đã thanh toán cho Công ty cổ phần B phích nước R số tiền là 494.210.000 đồng số tiền còn lại chưa thanh toán là 454.210.000 đồng, đã quá hạn thanh toán 06 năm và 06 tháng.

[2.3] Về việc đổi tên công ty của Công ty cổ phần T3:

Ngày 21/3/2021 Công ty cổ phần T2 đã có Quyết định của đại Hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần T2 số 06/2021/QĐ-HH thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thành Công ty cổ phần T3 với người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn V. Như vậy, sau khi đổi tên Công ty cổ phần T3 vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của Công ty cũ là Công ty cổ phần T2 theo Điều 35, Điều 36 Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

[2.4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần B, Công ty Cổ phần T3 và ông Đoàn Ái H đều xác nhận Công ty cổ phần Công ty cổ phần T2 (nay là Công ty T3) còn nợ Công ty cổ phần B phích nước R số tiền là 400.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 50, 55 Luật Thương mại nên được chấp nhận và buộc Công ty Cổ phần T3 còn phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần B số tiền là 400.000.000 đồng.

Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty cổ phần B không yêu cầu tính lãi suất vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đoàn Ái H nhận trả toàn bộ số nợ của Công ty cổ phần B thay cho Công ty Cổ phần T3. Vì vậy, nếu ông Đoàn Ái H không thực hiện cam kết, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần T3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty cổ phần B phích nước Rạng Đông theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, tỉnh Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B cụ thể: Buộc công ty cổ phần T3 phải thanh toán cho Công ty cổ phần B số tiền còn nợ lại là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 (mười một triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001603 ngày 20/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 tỉnh Ninh Bình).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND khu vực 11 tỉnh Ninh Bình;
- Cục THA dân sự;
- UBND xã Hồng Phong;
- UBND xã Hải An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Vũ Văn Anh